

Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST
Ngày 13/03/2023
V/v “Ly hôn giữa chị H với anh V”

**NH DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẾN TRE, TỈNH BẾN TRE

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Phi.

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Hiệp.

2. Ông Võ Minh Quang.

- Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Đoàn Ngọc Huỳnh Như - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bến Tre tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thảo Loan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 3 năm 2023, tại Hội trường xét xử của Tòa án nhân dân huyện Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 488/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 02 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2023/QĐST-HNGĐ, giữa các đương sự:

**** Nguyên đơn:*** **Nguyễn Thị Ngọc H**, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Phú Long, xã PT, huyện Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

**** Bị đơn:*** **Phạm Văn V**, sinh năm 1985 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Phú Long, xã PT, huyện Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn ngày 03/3/2022, những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc H trình bày như sau:

Chị H và anh Phạm Văn V cưới nhau trên tinh thần tự nguyện vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nH dân xã PT, huyện BD, tỉnh Bến Tre. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nH là do vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh V không lo làm ăn để chăm lo cuộc sống gia đình. Hiện tại, chị H không còn tình cảm vợ chồng với anh V nữa nên yêu cầu ly hôn với anh Phạm Văn V.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên là Phạm Hoàng Khang, sinh ngày 29/01/2004 và Phạm Hoàng Q, sinh ngày 25/5/2008. Cháu Phạm Hoàng Khang đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Hiện nay, cháu Q đang sống chung với anh V. Sau khi ly hôn, chị H đồng ý để anh V trực tiếp nuôi dưỡng cháu Q. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

Trong suốt quá trình tố tụng, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập hợp lệ nhưng anh Phạm Văn V từ chối tham gia tố tụng, bất hợp tác với Tòa án, đồng thời cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ và ý kiến gì thể hiện quan điểm trong vụ án ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc H với anh Phạm Văn V.

** Ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Thẩm phán thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử. Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự trong quá trình xét xử sơ thẩm vụ án. Nguyên đơn Nguyễn Thị Ngọc H thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn Phạm Văn V không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt tại phiên tòa là vi phạm khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nH và gia đình năm 2014, Điều 147, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quan hệ hôn nH: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc H đối với anh Phạm Văn V.

Về nuôi con chung: Anh Phạm Văn V được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Hoàng Q, sinh ngày 25/5/2008. Chị Nguyễn Thị Ngọc H không đồng ý

cấp dưỡng nuôi con, anh Phạm Văn V không có ý kiến hay yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị Ngọc H khai không có, anh Phạm Văn V cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Ngọc H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt; Bị đơn Phạm Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, do đó xét xử vắng mặt chị H và anh V là phù hợp với Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Phạm Văn V cưới nhau trên tinh thần tự nguyện vào năm 2008, có đăng ký kết hôn theo luật định nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống có hạnh phúc. Đến năm 2015, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh V không lo làm ăn để chăm lo cuộc sống gia đình. Trong quá trình tố tụng, Tòa án đã triệu tập anh V nhiều lần đến Tòa để tham gia hòa giải, xét xử vụ án nhưng anh V từ chối tham gia tố tụng, vắng mặt không có lý do, không có thiện chí hàn gắn. Điều đó chứng tỏ quan hệ hôn nhân giữa chị H với anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về nuôi con chung: Chị H và anh V có 02 con chung tên là Phạm Hoàng Khang, sinh ngày 29/01/2004 và Phạm Hoàng Q, sinh ngày 25/5/2008. Cháu Khang đã thành niên, chị H không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết, anh V cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì nên không xem xét, giải quyết. Xét thấy, cháu Q sống chung với anh V từ nhỏ, được anh V nuôi dưỡng và phát triển bình thường, khỏe mạnh nên cần tiếp tục giao cháu Q cho anh V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và Gia đình, đồng thời cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Q trên 07 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị H khai không có, anh V cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì nên không xem xét, giải quyết.

[5] Đối với phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án là có cơ sở, phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6] Về án phí: Căn cứ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 107, 116, 119 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc H đối với anh Phạm Văn V.

Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Ngọc H với anh Phạm Văn V.

2. Về nuôi con chung: Anh Phạm Văn V được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Hoàng Q, sinh ngày 25/5/2008, phù hợp với nguyện vọng của cháu Q (Trên 07 tuổi). Riêng cháu Phạm Hoàng Khang, sinh ngày 29/01/2004 đã thành niên, hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

Anh Phạm Văn V nuôi con chung Phạm Hoàng Q không yêu cầu chị Nguyễn Thị Ngọc H cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

Chị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Anh V trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị H trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 và Điều 119 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị H đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010211 ngày 18/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện BD, tỉnh Bến Tre.

Vậy, chị Nguyễn Thị Ngọc H đã nộp xong án phí.

Các đương sự chị Nguyễn Thị Ngọc H, anh Phạm Văn V vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện BD;
- Chi cục THADS huyện BD;
- Ủy ban nH dân xã PT
(Số 43, quyền 01 ngày 11/11/2008);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Đăng Phi